

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 465/2022/HS-ST

Ngày: 29-9-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Phú**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Ngọc Hoa**

2. Ông **Trang Văn Hai**

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Bảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Kiên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại Hội trường 5 – trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 407/2022/TLST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 433/2022/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 9 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 906/2022/HSST-QĐ ngày 22 tháng 9 năm 2022 đối với bị cáo:

Trần Văn Tr; Giới tính: Nam (Tên gọi khác: không); sinh năm 1988, tại tỉnh T; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 12/12; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi ở hiện nay: Khu phố X, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Con ông Trần Văn T, sinh năm 1946 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1946 (còn sống); Vợ tên Phạm Thị Thiên N, sinh năm 1992; có 01 con sinh năm 2013; gia đình có 4 anh chị em, bị cáo là con thứ 4 trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 24/4/2013, bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 09 tháng 04 ngày tù giam về tội Trộm cắp tài sản (bản án số 218/2013/HSST).

- Ngày 26/02/2014, bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản (bản án số 101/2014/HSST).

- Ngày 30/3/2016, bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản (bản án số 199/2016/HSST).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15 tháng 5 năm 2022 theo Lệnh bắt bị can để tạm giam số 575 ngày 14 tháng 5 năm 2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an thành phố Biên Hòa; có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

1. Chị Nguyễn Thị Hương Q, sinh năm: 2000. HKTT: thôn T2, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; **có đơn xin xét xử vắng mặt.**

2. Anh Thế Văn T, sinh năm 1997. HKTT: xóm Y, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh. Địa chỉ tạm trú: ấp Z, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai; **có mặt tại phiên tòa.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn Tr, sinh năm 1988, Hộ khẩu thường trú: thôn T, xã H, Thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế nay là thôn T, xã H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, là đối tượng có nhân thân xấu, không có nghề nghiệp vì mong muốn có tiền để tiêu xài cá nhân nên đã thực hiện các vụ trộm cắp tài sản. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 30/4/2022, Tr điều khiển xe mô tô Attila biển số 52P2-2xx4, mượn của vợ là Phạm Thị Thiên N (sinh năm 1992, hộ khẩu thường trú: xã V, huyện C, tỉnh An Giang) mang theo đoàn phá khóa đi tìm tài sản sơ hở để trộm cắp. Khi đến quán Karaoke A thuộc Khu phố XB, phường T, thành phố B, Tr thấy bên trong quán có nhiều xe mô tô không có người trông coi, Tr chạy xe đến hẻm cách quán khoảng 500m và dựng xe tại đây, rồi đi bộ đến quán Karaoke A, lén lút dùng đoàn phá khóa, phá ổ khóa xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Wave, màu trắng, biển số 49D1-71x.x7 của chị Nguyễn Thị Hương Q, sinh năm 2000, HKTT xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng là nhân viên của quán, để xe trong khu vực nhà xe của quán karaoke. Sau đó Tr điều khiển xe mô tô trộm cắp được đi đến khu vực chân cầu Đồng Nai thuộc khu phố D, phường A, thành phố B bán xe cho một người tên “Tý H” chưa rõ nhân thân lai lịch, được số tiền 6.500.000 đồng. Sau khi bán xe trộm cắp xong, Tr quay trở lại khu vực quán Karaoke A thuộc Khu phố XB, phường T, thành phố B để lấy chiếc xe mô tô Attila biển số 52P2-2xx4 đi về. Số tiền bán xe Tr đã tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ hai: khoảng 12 giờ 00 phút ngày 13/5/2022, Tr tiếp tục điều khiển xe mô tô Attila biển số 52P2-2xx4 đi đến phường T, thành phố B để trộm tài sản. Khi đến hẻm số XX, khu phố YY, phường T, thành phố B, Tr thấy xe mô tô biển số 38L1-20x.x8 loại: Wave Honda màu trắng, đen, bạc của anh Thế Văn T, sinh năm 1997, cư trú: phường T, thành phố B đang dựng ven đường, không

người trông coi. Tr chạy xe Attila tới hẻm tổ G, khu phố H, phường T để xe ở đó, đi bộ quay trở lại nơi anh T để xe, dùng đoản phá khóa, phá ổ khóa xe mô tô biển số 38L1-2xx.98, điều khiển xe đến khu vực chân cầu Đồng Nai thuộc khu phố D, phường A, thành phố B bán cho “Tý H” được số tiền 6.500.000 đồng. Sau đó Tr bắt xe đi đến công viên T gặp bạn là H, khi ra đến nơi thì gặp H đi với T1, tại đây Tr mượn H chiếc xe mô tô biển số 72D1-5xx.50 (thuộc ở hữu của chị Vũ Thị Bạch T1, sinh năm 1988, hộ khẩu thường trú tại thành phố B, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu). Tr điều khiển xe mô tô biển số 72D1-5xx.50 chở vợ là Phạm Thị Thiên N đi đến hẻm tổ G, khu phố H, phường T để lấy chiếc xe mô tô Attila thì bị lực lượng phòng chống tội phạm- Công an phường Trảng Dài bắt giữ. Tại Cơ quan điều tra, Trần Văn Tr đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Bản tự khai, biên bản ghi lời khai của bị cáo, biên bản hỏi cung bị cáo Tr (bút lục 68-116).

Đơn trình báo, biên bản ghi lời khai của người bị hại Nguyễn Thị Hương Q và người có liên quan (tại các bút lục số: 19-30, 85, 86).

Đơn trình báo, biên bản ghi lời khai bị hại Thế Văn T và những người có liên quan (tại các bút lục 31-67).

- Thu giữ vật chứng và xử lý:

+ 01 USB bên trong lưu giữ video được trích xuất từ camera an ninh ghi hình ảnh Trần Văn Tr trộm cắp tài sản vào ngày 30/4/2022.

+ 01 điện thoại Nokia 105, màu đen số seri: 3xxxxx2100385936, số thuê bao 0904455xx8 của Trần Văn Tr sử dụng liên hệ với người mua xe tên Tý H.

+ 01 đoản phá khóa hình chữ T bằng kim loại 10cm x 10cm là công cụ phạm tội của Trần Văn Tr

+ 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Wave, màu đỏ, biển số 72D1-5xx.50, số khung RLHJ3929MY1xx52, số máy: JA39F224xx15 do Tr mượn của anh H, chị T1, không liên quan đến vụ án nên Cơ quan điều tra đã trả xe cho chị T1.

+ 01 xe Attila biển số 52P2-2xx4 số khung: VMETCJO13ME00xx61, số máy: VME9B00xx61 (chưa xác định được nguồn gốc) Tr khai mượn của vợ là Phạm Thị Thiên N sinh năm 1992, HKTT: xã V, huyện C, tỉnh An Giang. Qua xác minh tại Đội cảnh sát giao thông công an thành phố Biên Hòa thì không có dữ liệu đăng ký xe, Cơ quan điều tra tách ra xác minh xử lý sau.

- Xe mô tô biển số 49D1-7xx77 của chị Nguyễn Thị Hương Q và xe mô tô biển số 38L1-2xx.98 của anh Thế Văn T không thu hồi được.

- Về bồi thường dân sự:

+ Chị Nguyễn Thị Hương Q yêu cầu Trần Văn Tr phải bồi thường số tiền 16.200.000 đồng (mười sáu triệu hai trăm ngàn đồng). Bị cáo chưa bồi thường cho chị Q.

+ Anh Thế Văn T yêu cầu Trần Văn Tr phải bồi thường số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng). Bị cáo chưa bồi thường cho anh T.

- Tại Kết luận định giá tài sản số 170/KL-HĐĐGTS ngày 13/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng Hình sự định giá chiếc xe mô tô 49D1-7xx.77 có giá là 16.200.000 đồng; Kết luận 211/KL-HĐĐGTS ngày 06/6/2022 định giá tài sản chiếc xe mô tô 38L1-2xx.98 có giá 15.840.000 đồng.

- Bản cáo trạng số: 420/CT-VKSBH-HS ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai truy tố bị cáo Trần Văn Tr, về tội “Trộm cắp tài sản”, quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phát biểu luận tội vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; **điểm g khoản 1 Điều 52** Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): xử phạt bị cáo Trần Văn Tr mức án từ **02 năm 06 tháng đến 03 năm tù**.

Về bồi thường dân sự: **buộc Trần Văn Tr bồi thường cho anh Thế Văn T và chị Nguyễn Thị Hương Q theo quy định của pháp luật.**

Xử lý vật chứng và buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

- Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã mô tả, không có ý kiến gì về các kết luận định giá tài sản. Về bồi thường dân sự: bị cáo đồng ý **bồi thường cho chị Nguyễn Thị Hương Q số tiền 16.200.000 đồng**; bồi thường cho anh Thế Văn T số tiền 15.000.000 đồng.

- Ý kiến của bị hại Thế Văn T: anh không có ý kiến gì về kết luận định giá tài sản. Về bồi thường dân sự: mặc dù **Kết luận định giá tài sản số: 211/TCKH-HĐĐG ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Biên Hòa kết luận giá trị của chiếc xe mô tô bị Trần Văn Tr chiếm đoạt là 15.840.000 đồng nhưng anh chỉ yêu cầu bị cáo Tr bồi thường cho anh số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng)**. Về hình phạt: đề nghị áp dụng mức hình phạt cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

- Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Biên Hòa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ và đầy đủ. Quá trình điều tra, bị cáo, bị hại không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến

hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là phù hợp.

[2] Quá trình điều tra, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu có tại hồ sơ như lời khai của các bị hại, người làm chứng, biên bản trích xuất camera an ninh. Đã có đủ cơ sở kết luận:

Vào ngày 30/4/2022, tại Khu phố XB, phường T, thành phố B, Trần Văn Tr có hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô Honda wave biển số 49D1-7xx77 của chị Nguyễn Thị Hương Q có giá trị theo Kết luận định giá tài sản số: 170/TCKH-HĐĐG ngày 13 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Biên Hòa là 16.200.000 đồng (mười sáu triệu hai trăm ngàn đồng). Đến ngày 13/5/2022, tại hẻm số XX, khu phố YY, phường T, thành phố B, Trần Văn Tr tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô Honda wave biển số 38L1-2xx.98 của anh Thế Văn T có giá trị theo Kết luận định giá tài sản số: 211/TCKH-HĐĐG ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Biên Hòa là 15.840.000 đồng (mười lăm triệu tám trăm bốn mươi ngàn đồng).

Như vậy, bị cáo Trần Văn Tr đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản của chị Nguyễn Thị Hương Q và anh Thế Văn T. Tổng giá trị tài sản do Tr chiếm đoạt là 32.040.000 đồng (Ba mươi hai triệu không trăm bốn mươi ngàn đồng). Hành vi của bị cáo Trần Văn Tr đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Bị cáo là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi nhưng lười lao động, muốn có tiền tiêu xài nên đã thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo đã lợi dụng lúc bị hại sơ hở trong việc quản lý tài sản để lấy trộm tài sản đem đi tiêu thụ. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được Nhà nước bảo vệ, làm mất trật tự xã hội tại địa phương. Hội đồng xét xử xét thấy: bị cáo có nhân thân xấu, đã 03 lần bị kết án về tội Trộm cắp tài sản nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân, nay lại tiếp tục phạm tội, nên cần xem xét áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất của hành vi phạm tội nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung nhưng đồng thời cũng thể hiện được tính khoan hồng của pháp luật.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản nên phạm vào tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g, khoản 1 Điều 52 Bộ Luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[3] Đối với các vấn đề khác:

- Đối với “Tý H” người 02 lần mua tài sản do Tr phạm tội mà có, Cơ quan điều tra tách ra tiếp tục điều tra xác minh, xử lý sau là phù hợp.

- Đối với Phạm Thị Thiên N: Nga không biết Tr mượn xe để đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý Nga với vai trò đồng phạm là phù hợp.

[4] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

- Chị Nguyễn Thị Hương Q yêu cầu Trần Văn Tr phải bồi thường cho chị số tiền 16.200.000 đồng (mười sáu triệu hai trăm ngàn đồng) giá trị chiếc xe Honda wave biển số 49D1-7xx77 theo giá trị định giá.

- Anh Thế Văn T yêu cầu Trần Văn Tr bồi thường số tiền 15.000.000 đồng: Theo Kết luận định giá tài sản số: 211/TCKH-HĐĐG ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Biên Hòa chiếc xe mô tô hiệu Honda wave biển số 38L1-2xx.98 có trị giá 15.840.000 đồng. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa, anh Thế Văn T chỉ yêu cầu Trần Văn Tr bồi thường số tiền 15.000.000 đồng.

- Tại phiên tòa, bị cáo Tr đồng ý bồi thường cho chị Nguyễn Thị Hương Q số tiền 16.200.000 đồng và bồi thường cho anh Thế Văn T số tiền 15.000.000 đồng nên ghi nhận. Buộc bị cáo Trần Văn Tr phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị Hương Q số tiền 16.200.000 đồng (Mười sáu triệu hai trăm ngàn đồng) và bồi thường cho anh Thế Văn T số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

[5] Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Lưu hồ sơ vụ án 01 USB bên trong có chứa dữ liệu ghi hình hành vi trộm cắp tài sản Trần Văn Tr.

+ Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại Nokia 105, màu đen số seri: 3xxxx2100385936, số thuê bao 0904455xx8 là phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 đoạn phá khóa hình chữ T bằng kim loại 10cm x 10cm là công cụ phạm tội của Trần Văn Tr.

(Vật chứng nêu trên được thể hiện tại Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 13/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa).

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.602.000 đồng (một triệu sáu trăm lẻ hai ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Nhận định về phần trình bày của Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại tại phiên tòa:

- Đối với phần trình bày của Kiểm sát viên: về tội danh và mức hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

- Đối với phần trình bày của bị hại Thế Văn T: phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

- Đối với phần trình bày của bị cáo sẽ được Hội đồng xét xử xem xét khi giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 2 Điều 468, Điều 584, 585 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 106, 135, 136, 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn Tr phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt Trần Văn Tr 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giam 15-5-2022.

2. Về bồi thường dân sự: Buộc bị cáo Trần Văn Tr phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị Hương Q số tiền 16.200.000 đồng (Mười sáu triệu hai trăm ngàn đồng) và bồi thường cho anh Thế Văn T số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành số tiền nêu trên, thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả được tính theo quy định tại Khoản 2, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng:

+ Lưu hồ sơ vụ án 01 USB bên trong có chứa dữ liệu ghi hình hành vi trộm cắp tài sản Trần Văn Tr.

+ Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại Nokia 105, màu đen số seri: 3xxxxx2100385936, số thuê bao 0904455xx8 là phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 đoạn phá khóa hình chữ T bằng kim loại 10cm x 10cm là công cụ phạm tội của Trần Văn Tr.

(Vật chứng nêu trên được thể hiện tại Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 13/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa).

4. Về án phí: Bị cáo Trần Văn Tr phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.602.000 đồng (một triệu sáu trăm lẻ hai ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo:

Bị cáo Trần Văn Tr, bị hại anh Thế Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại chị Nguyễn Thị Hương Q vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra tội phạm về Trật tự xã hội – Công an thành phố Biên Hòa;
- Cơ quan Thi hành án hình sự – Công an thành phố Biên Hòa;
- Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.

Nguyễn Thị Phú

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Biên Hòa;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra tội phạm về Trật tự xã hội – Công an thành phố Biên Hòa;
- Cơ quan Thi hành án hình sự – Công an thành phố Biên Hòa;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - Công an thành phố Biên Hòa;
- Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Biên

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hòa;

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.

Nguyễn Thị Phú